

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-10-2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp.

Các Hội thẩm nhân: Ông Nguyễn Kha và ông Lê Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2018/TLST- HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2018, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Ngọc H.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Chị Tống Thị Bích N.

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh H có mặt, chị N yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Huỳnh Ngọc H trình bày: Anh và chị Tống Thị Bích N tìm hiểu yêu thương nhau trong thời gian khoảng 12 tháng rồi tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào tháng 4 năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/5/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2001 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình hai người không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Từ tháng 8/2001, chị N tự ý bỏ về phía cha mẹ đẻ ở rồi đi làm ăn sinh sống ở nhiều nơi và vợ chồng đã ly thân nhau từ đó cho đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm giữa anh và chị N không còn nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1999, hiện

nay đã trên 18 tuổi, nên muốn ở với ai tùy ý cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* *Tại bản tự khai ngày 20/9/2018, bị đơn chị Tống Thị Bích N trình bày:* Nguyên chị có chồng là Anh Huỳnh Ngọc H. Do đời sống chung không hòa hợp, hôn nhân không hạnh phúc, chị và anh H đã ly thân nhau từ năm 2003 đến nay.

Nay, anh H có yêu cầu ly hôn nên chị đồng ý. Tuy nhiên, vì hiện ở xa, chị không thể tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó chị viết đơn xin vắng mặt trong các buổi lấy lời khai, hòa giải, xét xử về vụ án ly hôn với Anh Huỳnh Ngọc H.

Các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp cho Tòa án: Trích lục kết hôn (Bản sao), Trích lục khai sinh Huỳnh Ngọc S, Giấy chứng minh nhân dân tên Huỳnh Ngọc H (Bản sao).

Các tình tiết các đương sự đã thống nhất được với nhau:

- + Anh Huỳnh Ngọc H yêu cầu ly hôn, chị Tống Thị Bích N đồng ý.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Các tình tiết các đương sự không thống nhất được với nhau: Không có.

Lý lẽ, lập luận của các đương sự: không

- Anh H trình bày: Vợ chồng anh đã ly thân nhau từ năm 2003 mãi đến nay, phần ai nấy sống nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Chị N vắng mặt tại phiên tòa, không có lý lẽ và lập luận gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 53, 56 Luật HNGĐ 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- + Anh Huỳnh Ngọc H và chị Tống Thị Bích N được ly hôn.
- + Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Nguyên đơn Anh Huỳnh Ngọc H chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chị Tống Thị Bích N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 20/9/2018, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Anh Huỳnh Ngọc H và bị đơn chị Tổng Thị Bích N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ tháng 8 năm 2001 mãi đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan hệ gì với nhau nữa. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đến làm việc, hòa giải nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh H xin ly hôn chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1999 hiện nay đã trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Ngọc H được ly hôn chị Tổng Thị Bích N.

2. Về con chung: Anh H và chị N có 01 con tên Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1999, hiện nay đã trên 18 tuổi, nên muốn ở với ai tùy ý cháu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng

Ngãi, theo biên lai Ngọc tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000982, ngày 14 tháng 3 năm 2018.

5. Anh Huỳnh Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/10/2018). Đối với chị Tống Thị Bích N không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Quang Hiệp